

Số: 13/2017/NQ-HĐND

Quảng Nam, ngày 19 tháng 4 năm 2017

**NGHỊ QUYẾT**

**Chính sách khuyến khích thoát nghèo bền vững  
tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2017 - 2021**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM  
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 4**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 76/2014/QH13 ngày 24 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020;*

*Căn cứ Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 – 2020;*

*Xét Tờ trình số 1589/TTr-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua đề án và ban hành Nghị quyết về Chính sách khuyến khích thoát nghèo bền vững tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2017 - 2021; Báo cáo thẩm tra số 33/BC-HĐND ngày 17 tháng 4 năm 2017 của Ban Văn hóa - Xã hội, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định chính sách khuyến khích thoát nghèo bền vững tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2017 – 2021.

2. Đối tượng áp dụng: Hộ nghèo thiếu hụt về tiêu chí thu nhập và hộ cận nghèo đăng ký cam kết thoát nghèo bền vững (vượt chuẩn cận nghèo).

**Điều 2. Mục tiêu cụ thể**

Đến năm 2021, phấn đấu có 18.000 hộ nghèo (khoảng 50% hộ nghèo về tiêu chí thu nhập trong danh sách được công nhận năm 2016) và 24.808 hộ cận nghèo (100% hộ cận nghèo trong danh sách được công nhận năm 2016) thoát nghèo bền vững. Bình quân mỗi năm có khoảng 3.600 hộ nghèo và gần 5.000 hộ cận nghèo thoát nghèo bền vững.

**Điều 3. Chính sách khuyến khích đối với hộ nghèo về tiêu chí thu nhập có khả năng thoát nghèo và có đăng ký cam kết thoát nghèo bền vững**

1. Ngoài việc được tiếp tục thụ hưởng các chính sách hỗ trợ của Trung ương đối với hộ nghèo; tỉnh Quảng Nam hỗ trợ thêm các chính sách sau đây:

a) Hỗ trợ 100% lãi suất vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh tại Ngân hàng Chính sách xã hội đối với hộ nghèo, hộ mới thoát nghèo. Mức vay tối đa 50.000.000 đồng, thời gian hỗ trợ lãi suất 36 tháng.

b) Hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế theo loại hình bảo hiểm y tế tự nguyện trong thời gian 36 tháng.

c) Cấp bù 100% học phí cho trẻ em mẫu giáo và học sinh các cấp phổ thông; hỗ trợ chi phí học tập mức 100.000 đồng/học sinh/tháng cho trẻ em học mẫu giáo và học sinh các cấp phổ thông; hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em 3,4,5 tuổi mức 120.000 đồng/em/tháng (9 tháng/năm). Các chính sách hỗ trợ nêu trên được thực hiện trong 03 năm học liên tục.

d) Cấp bù 100% học phí cho học sinh, sinh viên học chính quy tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh và tại cơ sở giáo dục đại học cho đến khi kết thúc khóa học.

đ) Thưởng 5.000.000 đồng/hộ thoát nghèo để phát triển sản xuất, kinh doanh.

## 2. Phương thức thực hiện

a) Chính sách tín dụng: Thực hiện sau khi hộ nghèo đăng ký cam kết thoát nghèo bền vững.

b) Chính sách y tế, giáo dục: Thực hiện thường xuyên hằng năm sau khi hộ nghèo được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận hộ thoát nghèo bền vững và theo thời gian thụ hưởng từng chính sách.

c) Thưởng để phát triển sản xuất, kinh doanh: Thực hiện ngay sau khi có quyết định công nhận hộ thoát nghèo bền vững của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Thời gian đăng ký và thực hiện thoát nghèo: 05 năm, từ năm 2017 đến hết năm 2021.

a) Sau khi đăng ký thoát nghèo: Được tiếp tục thụ hưởng các chính sách hỗ trợ của Trung ương; được nâng mức vay tối đa 50.000.000 đồng có hỗ trợ lãi suất 100% trong thời gian 36 tháng theo chính sách của tỉnh.

b) Sau khi thoát nghèo: Tiếp tục hỗ trợ bảo hiểm y tế, giáo dục và tiền thưởng 5.000.000 đồng/hộ thoát nghèo theo chính sách của tỉnh.

## **Điều 4. Chính sách đối với hộ cận nghèo đăng ký cam kết vượt qua chuẩn cận nghèo và thoát cận nghèo bền vững.**

1. Ngoài việc được tiếp tục thụ hưởng chính sách hỗ trợ của Trung ương đối với hộ cận nghèo; tỉnh Quảng Nam hỗ trợ thêm các chính sách sau đây:

a) Hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế theo loại hình bảo hiểm y tế tự nguyện trong thời gian 36 tháng.

b) Hỗ trợ 100% lãi suất vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh tại Ngân hàng Chính sách xã hội về tín dụng đối với hộ cận nghèo. Mức vay tối đa 50.000.000 đồng, thời gian hỗ trợ lãi suất 36 tháng.

## 2. Phương thức thực hiện

a) Chính sách bảo hiểm y tế: Thực hiện thường xuyên hằng năm sau khi hộ cận nghèo được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận hộ thoát cận nghèo.

b) Chính sách tín dụng: Thực hiện sau khi hộ cận nghèo đăng ký cam kết vượt qua chuẩn cận nghèo.

3. Thời gian đăng ký: 05 năm, từ năm 2017 đến hết năm 2021.

4. Thời gian thực hiện: Từ năm 2018 và theo thời gian thụ hưởng từng chính sách.

## **Điều 5. Một số chính sách khuyến khích bổ sung để hỗ trợ thoát nghèo bền vững**

1. Chính sách khuyến khích giải quyết việc làm, tạo thu nhập cho lao động hộ nghèo và cận nghèo

a) Đối tượng áp dụng: Doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn các huyện miền núi; cơ sở sản xuất, kinh doanh; tổ hợp tác, hợp tác xã; hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực hiện giải quyết việc làm, tạo thu nhập ổn định cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh.

b) Chính sách khuyến khích

Ngoài việc thực hiện Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và Nghị quyết số 179/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2016-2020, ngân sách tỉnh hỗ trợ thêm 50% lãi suất vay vốn từ các tổ chức tín dụng hợp pháp theo lãi suất quy định của Ngân hàng nhà nước từng thời điểm với mức vay tối đa 50.000.000 đồng/lao động nghèo, cận nghèo, thời gian hỗ trợ theo hợp đồng vay nhưng không quá 36 tháng.

Đối với các doanh nghiệp trồng cây cao su, cây lâm nghiệp, dược liệu được hỗ trợ ngân sách đầu tư hạ tầng (trong địa bàn doanh nghiệp hoạt động), tương ứng mức hỗ trợ lãi suất nêu trên nếu doanh nghiệp không chọn hình thức hỗ trợ lãi suất.

c) Phương thức thực hiện: Thực hiện ngay sau khi doanh nghiệp, đơn vị, cơ sở sản xuất, kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, làng nghề, hộ gia đình...ký kết hợp đồng làm việc với lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo và hợp đồng vay vốn ngân hàng.

d) Thời gian thực hiện ký kết hợp đồng lao động: 05 năm, từ năm 2017 đến hết năm 2021.

## 2. Chính sách thưởng cho cộng đồng thôn có hộ thoát nghèo

Hàng năm, thưởng cho cộng đồng thôn có hộ nghèo và cận nghèo thoát nghèo mức 3.000.000 đồng/hộ.

### **Điều 6. Kinh phí thực hiện**

1. Chính sách cấp bù học phí cho trẻ em mẫu giáo, học sinh, sinh viên; hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ em mẫu giáo và học sinh các cấp phổ thông; hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em 3,4,5 tuổi con hộ nghèo thoát nghèo được thực hiện như sau:

Ngân sách tỉnh đảm bảo 100% cho các huyện miền núi, 50% cho các huyện, thị xã, thành phố đồng bằng chưa tự cân đối ngân sách; đối với các huyện, thị xã, thành phố tự cân đối ngân sách: bố trí ngân sách cấp huyện để thực hiện.

2. Các chính sách còn lại: Ngân sách tỉnh đảm bảo 100%.

3. Tổng kinh phí dự kiến thực hiện: khoảng 623.000.000.000 đồng (sáu trăm hai mươi ba tỷ đồng).

### **Điều 7. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch và bố trí kinh phí để triển khai thực hiện Nghị quyết, đồng thời ban hành các quy định về điều kiện thụ hưởng, phương thức hỗ trợ cụ thể, chặt chẽ, phù hợp để hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận được chính sách; đề xuất Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung kịp thời các nội dung chưa phù hợp (nếu có).

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức chỉ đạo điếm để rút kinh nghiệm trước khi nhân ra diện rộng trên địa bàn toàn tỉnh trong việc thực hiện Nghị quyết này.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, các ngành, các cấp tích cực tổ chức thực hiện, vận động nhân dân đồng hành cùng hộ nghèo, hộ cận nghèo để thoát nghèo bền vững; tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân thiện nguyện ưu tiên hỗ trợ cho những hộ nghèo thuộc diện bảo trợ xã hội; tăng cường công tác giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam khóa IX, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 19 tháng 4 năm 2017, có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành, thay thế Nghị quyết số 31/2011/NQ-HĐND ngày 09/12/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2011 - 2015, định hướng đến năm 2020./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Ngọc Quang**